

LỄ HỘI CỔ TRUYỀN Ở LÀO CAI - NHỮNG PHÁC THẢO

TRẦN HỮU SON

Lào Cai là một tỉnh vùng cao biên giới có 8049 km² với 600.000 dân. Đây là vùng đất hội lưu văn hoá các tộc người. Toàn tỉnh có 16 dân tộc thuộc ba (trong số bốn) ngữ hệ lớn ở Việt Nam. Ngữ hệ Nam Á có các tộc người Việt, Mường, Kháng, Hmông, Dao, La Chí, La Ha. Ngữ hệ Hán - Tạng có các tộc người Hoa (Xạ Phang), Hà Nhì, Phù Lá (có cả nhóm Xá Phó). Ngữ hệ Tày- Thái có nhiều tộc người như Tày (cả nhóm Pa Dí, Thu Lao), Thái, Nùng, Giáy, Bó Y, Lự. Mỗi dân tộc có nhiều ngành, nhóm địa phương khác nhau. Sự phong phú về cư dân tạo ra sự phong phú đa dạng về văn hoá cũng như lễ hội. Khảo sát sơ bộ (và không kể các lễ hội của người Việt (Kinh), Lào Cai có 31 lễ hội của các dân tộc. Các lễ hội này được hình thành trong một môi trường tự nhiên và xã hội tạo ra những bản sắc riêng.

I. MÔI TRƯỜNG HÌNH THÀNH LỄ HỘI

1. Lào Cai được phân chia thành hai vùng tự nhiên khác nhau. Vùng cao là các vùng có độ cao trên 700m trở lên. Địa hình vùng cao được hình thành từ những dãy núi, khối núi lớn. Trong đó có hai dãy núi chính là dãy Hoàng Liên Sơn và dãy Con Voi chạy song song với nhau theo hướng Tây bắc - Đông nam. Ở phía tả ngạn sông Hồng là dãy núi Con Voi và các khối sơn nguyên phân bậc không rõ ràng và phân bố thành các khối nhỏ xen kẽ với các khối núi sót. Ở phía hữu ngạn sông Hồng là dãy Hoàng Liên đồ sộ có nhiều đỉnh cao : Phan - Xi - Păng (cao 3143m), Tả Giàng Phình (cao 3090), Pú Luông (cao 2983). Địa hình vùng cao Lào Cai thuộc khối nâng kiến tạo mạnh có mức độ chia cắt sâu từ lớn đến rất lớn, và chia cắt ngang từ trung bình đến rất mạnh (từ cấp 1,5 km/km² đến 2,5km/km²). Độ dốc địa hình khá lớn chủ yếu từ 15° đến 20°, vùng núi cao là địa bàn cư trú chủ yếu của các dân tộc Hmông, Dao, Hà Nhì, Phù Lá, Kháng, La Ha, La Chí... v.v...

Ở vùng thấp địa hình chủ yếu là các thung lũng dọc sông, ven suối lớn và các kiểu địa hình máng trũng có bề mặt dạng đồi. Bên cạnh thung lũng lớn dọc sông Hồng và thung lũng Mường Than (lớn thứ ba vùng Tây Bắc) là các thung lũng nhỏ hẹp bị bao bọc bởi các sơn nguyên, dãy núi. Đây là địa bàn cư trú của các tộc người Tày, Thái, Nùng, Giáy, Lự, Bó Y, Mường...

Ở vùng cao nhiệt độ trung bình từ 15oC, lượng mưa trung bình từ 1800 đến 2000mm/năm. Ở vùng thấp nhiệt độ trung bình từ 23oC đến 25oC, lượng mưa bình quân khoảng 1400 đến 1700mm/năm. Khí hậu Lào Cai chia làm hai mùa tương đối rõ rệt: mùa khô và mùa mưa. Mùa khô bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Còn mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 9.

Môi trường tự nhiên ảnh hưởng đến kinh tế - văn hoá của các tộc người. Cư dân vùng cao canh tác nương rẫy là chủ yếu, cây lương thực chính là lúa nương và ngô. Cư dân vùng thấp canh tác ruộng nước với cây lương thực chính là lúa nếp, lúa tẻ vào vụ mùa. Dù canh tác nương rẫy hay trồng lúa trên ruộng nước, người dân Lào Cai trước

đây chỉ sản xuất được một vụ mùa. Lịch nông nghiệp và sinh hoạt của người dân Lào Cai đều có nhịp điệu chung :

- Tháng 1 và đầu tháng 2 ăn Tết, vui xuân
- Từ giữa tháng 2 đến tháng 4 chuẩn bị gieo trồng (phát nương, cày ruộng, đổ ải...)
- Từ tháng 4 đến tháng 5 gieo trồng (tría lúa ngô trên nương, gieo mạ cấy lúa ruộng).
- Từ tháng 6 hoàn thành gieo cấy, tiến hành chăm sóc cây lương thực. Đến cuối tháng 9 tháng 10 tiến hành thu hoạch.
- Tháng 11, 12 tổ chức các sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng : làm nhà, cưới xin, làm ma khô...v.v...

Như vậy, dù canh tác nương rẫy hay trồng lúa nước, người dân Lào Cai có nhịp độ sống lúc khẩn trương, gấp gáp đôi khi thông thả, nông nhàn. Thời điểm bận rộn nhất của người diễn ra từ tháng 2 đến đầu tháng 6; hết phát rẫy làm đất lại đến kỳ gieo trồng. Đầu tháng 6 mới hoàn thành công việc gieo trồng (vùng thấp cấy xong, vùng cao lúa nương, ngô nương đã nhú mầm lên xanh). Sau khi kết thúc thời kỳ lao động vất vả là thời điểm nông nhàn tương đối, để tiếp tục, người dân lại lo chăm sóc lương thực chính, gieo trồng hoặc thu hoạch hoa màu. Và, chỉ đến khi thu hoạch xong lúa nương, gặt lúa ruộng mới là thời điểm nông nhàn của một năm (tháng 11, tháng 12, tháng 1). Vì vậy lịch lễ hội, lịch sinh hoạt văn hoá cổ truyền đều tập trung vào các thời điểm nông nhàn: tháng đầu xuân (tháng 1 và 2) và tháng cuối hè (tháng 6). Hầu hết các dân tộc đều tổ chức hai loại lễ - tết - hội: tháng giêng và tháng 6. Một số dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái tổ chức lễ hội muộn hơn vào mùa thu.

2. Ở Lào Cai, làng, bản là địa bàn chủ yếu để tổ chức lễ hội. Làng của nhóm cư dân Tày - Thái gọi là bản, người Hmông gọi là "giao", người Hà Nhì gọi là "phu", người Giáy gọi là "luống"... Làng có địa vực cư trú riêng, có phạm vi đất đai canh tác, khu rừng, khúc suối, bãi chăn thả riêng. Làng bao gồm nhiều gia đình, các gia đình là hạt nhân của làng. Khi có công việc chung (việc làng), thường phân theo đầu nhà. Làng ở vùng cao qui mô tập trung không lớn, không có các công trình kiến trúc cộng đồng. Nơi sinh hoạt văn hoá là khu đất bằng phẳng đầu làng. Ở vùng biên giới Việt - Trung, làng được bố trí theo kiểu làng pháo đài phòng thủ khá kiên cố. Các làng ở đây thường dựa vào thế núi, làng có cổng gỗ hoặc có nơi có bẫy đá bảo vệ. Các làng hầu như không có đường thẳng to chạy vào giữa làng. Nhà cửa bố trí sát nhau và có lối đi tắt đến nhà nhau, thuận lợi cho việc phòng thủ. Làng ở vùng thấp cư trú tập trung dân cư. Nhiều làng người Tày ở Bảo Yên, Văn Bàn, Cam Đường có đình làng.

Tuy làng ở các vùng có đặc điểm khác nhau nhưng đều có nét chung là mỗi làng chỉ bao gồm một số họ. Đặc biệt cư dân của làng cổ truyền chủ yếu là cùng một tộc người. Một vài làng cư trú đan xen hai, ba dân tộc thì mỗi dân tộc cũng tách ra ở các làng nhỏ riêng. Tính khép kín tộc người được đề cao cả trong đại vực cư trú lẫn quan hệ hôn nhân. Ở vùng cao, các làng người Hmông, người Dao quan hệ dòng họ luôn được đề cao. Ở vùng thấp quan hệ láng giềng đã trở thành mối quan hệ chủ đạo.

Làng tuy không phải là một cộng đồng kinh tế (đơn vị kinh tế vẫn là hộ gia đình) nhưng tính cộng đồng làng luôn được đề cao trong các mối quan hệ xã hội và cộng đồng tôn giáo tín ngưỡng. Mỗi một làng, bên cạnh bộ máy quản lý hành chính còn có bộ máy tự quản, trong đó vai trò của những người già làng, người có uy tín hết sức

quan trọng. Tuy mỗi làng có trưởng làng (Seo phải ở làng Hmông, trưởng bản ở vùng Tây - Thái) nhưng các làng đều có một người "Hủ thầu" - Hội đầu quản lý việc thực hiện công ích, thực hiện hương ước của từng làng. Các qui ước này dựa theo yêu cầu cụ thể của từng làng có những điều khoản thiết thực. Nội dung của qui ước thường tập trung vào 4 nội dung :

- Bảo vệ an ninh trật tự của làng, phòng chống trộm cướp.
- Bảo vệ các công trình, khu vực công cộng của làng như bảo vệ khu rừng cấm, đầu nguồn nước, bảo vệ đình, mở đường giao thông...
- Xây dựng các điều khoản bảo vệ mùa màng, không thả rông gia súc khi làm mùa, quản lý đất canh tác, khu rừng nguồn suối của làng.
- Xây dựng các điều khoản tăng cường sự tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các gia đình trong ma chay, cưới xin, làm nhà mới, khai ruộng bạc thang...

II. ĐẶC ĐIỂM LỄ HỘI Ở LAO CAI

Lễ hội ở Lào Cai có những đặc điểm chung về nội dung, hình thức, tổ chức hội như các lễ hội cổ truyền. Bên cạnh đặc điểm chung đó, lễ hội còn có những nét riêng, sắc thái riêng.

1. Về qui mô, không gian lễ hội

Lễ hội Lào Cai chủ yếu có qui mô nhỏ, diễn ra trong không gian làng bản. Phần lễ là các nghi lễ cầu cúng thần "thủ ti" - thổ địa của làng. Những vị thần được thờ thường là những người có công khai phá, lập làng, bảo vệ làng hoặc là những anh hùng cộng đồng tộc người, những thủ lĩnh như Hoàng Dín Thùng (La Chí), Nùng Trí Cao (Nùng), Giàng Chấn Hùng (Hmông)...

Địa điểm thờ cúng ở các làng người Tây vùng thấp có thể là đình (Bảo Yên, Cam Đường, Văn Bàn), hoặc cũng có thể chỉ là ngôi miếu nhỏ. Ở các làng vùng cao của cư dân sản xuất nương rẫy, nơi thờ cúng rất đơn giản. Đó có thể chỉ là gốc cây to, có hình thù kỳ dị hoặc một hòn đá lớn ở trong khu rừng cấm của làng. Một số làng người Pa Dí, Tu Dí, người Nùng Dín ở huyện Mường Khương lại chọn hai gốc cây cổ thụ nhất trong khu rừng cấm làm "cây bố, cây mẹ" để thờ cúng. Nội dung các bài cúng mở đầu hội làng là cầu mong thần bản mệnh của làng phù hộ mùa màng tốt tươi "người yên vật thịnh". Thành phần dự hội chủ yếu là dân làng. Đặc biệt một số lễ hội của người Hà Nhì, Xá Phó, La Chí không cho người ngoài làng tham dự. Trường hợp đặc biệt có người lạ chỉ được nói tiếng dân tộc đang làm lễ. Đặc điểm này phản ánh tính khép kín của mỗi làng, bản. Mỗi làng chỉ có một tộc người. Ý thức cộng đồng làng được đề cao. Đặc biệt ở vùng cao, làng, bản gần như là một tổ chức xã hội cơ sở. Khác với cư dân trồng lúa nước, trên làng còn có đơn vị hành chính là mừng, còn cư dân nương rẫy dấu vết liên làng, hay đơn vị hành chính trên làng rất mờ nhạt. Do đó qui mô hội chủ yếu là hội làng. Trong một số trường hợp, một số vùng còn xuất hiện qui mô hội vùng (gồm nhiều làng) như hội chơi hang của người Thái, hội "gầu tào" của người Hmông ở miền đông (Mường Khương, Bắc Hà). Các hội này có đặc điểm phần lễ trong hội rất đơn giản, nhưng phần hội lại sôi động, thu hút hàng nghìn người tham gia. Không gian hội được mở rộng ra cả khu vực. Tuy nhiên cũng là hội "gầu tào", ở các huyện miền đông, sự trao đổi hàng hoá phát triển nên qui mô hội mở rộng, còn ở miền Tây hội "gầu tào" chỉ tổ chức trong qui mô làng.

Như vậy, ở Lào Cai, dù đã xuất hiện một số hội có qui mô liên làng, không gian hội được mở rộng thành hội vùng, nhưng số hội này rất ít, chủ yếu lễ hội ở Lào Cai là lễ hội của làng, qui mô nhỏ.

2. Về thời gian mở hội

Như phần 1 đã phân tích, nhịp điệu sống của người dân Lào Cai theo mùa vụ. Và, lịch lễ hội cũng phụ thuộc vào lịch sản xuất. Nhưng lịch lễ hội ở Lào Cai khác với lịch lễ hội ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Ở các vùng này có hội xuân và hội thu. Nhưng ở Lào Cai chủ yếu chỉ có hội xuân và hội cuối hè (tháng 6).

Hội xuân là ngày hội mở đầu một chu kỳ sản xuất nên nhiều lễ hội cầu các dân tộc Lào Cai tập trung vào thời điểm này (16/31). Nhưng cuối hè là thời điểm gieo trồng, lúa nương đã lên xanh, lúa ruộng đã bén rễ, đây cũng là thời điểm tập trung mở lễ hội. Theo thống kê sơ bộ, ở Lào Cai có 11/31 lễ hội mở vào dịp cuối hè. Đó là lễ hội của cư dân thuộc hệ ngôn ngữ Tạng - Miến, Nam Á như người Hà Nhì, Phù Lá (nhóm Xá Phó thuộc dân tộc Phù Lá), người Kháng, La Ha, La Chí, Pa Dí, Bó Y (Tu Dí) ...v.v... Một số dân tộc, lễ hội tháng 6 là lễ hội chính, có qui mô lớn như người Hà Nhì, La Chí, Pa Dí (một nhóm của Tày). Tuy nhiên hội thu vẫn còn được tổ chức ở một vài dân tộc nhưng với tỷ lệ thấp (4/31 lễ hội).

Như vậy, khác với các cư dân Tây Nguyên và khu vực đồng bằng, trung du Bắc Bộ, người dân Lào Cai mở hội cả vào thời điểm cuối hè - một thời điểm tương đối nông nhàn khi cây trồng đã được gieo cấy. Theo quan niệm của đồng bào, cả quá trình phát rẫy, cây bừa, làm nương chỉ là quá trình chuẩn bị. Chỉ khi cấy xong cây lúa, gieo ngô lên nương, lúa nương nảy mầm tươi tốt mới thực sự bắt đầu cho chu kỳ trồng cây lương thực. Do đó một số dân tộc tổ chức lễ hội tháng 6, ăn tết tháng 6 lớn hơn lễ hội mùa xuân. Ở lễ hội tháng 6, bên cạnh yêu cầu sinh sản đặt lên hàng đầu còn có yêu cầu phòng trừ sâu bệnh, cầu mong mưa thuận gió hoà...v.v... Trong lễ hội có các nghi lễ cầu mưa đan xen với các hành động mang tính chất ma thuật như hành động phun nước cầu mưa cho hội "khu già già" người Hà Nhì hoặc vút đá, thổi đá nhằm giải trừ mưa đá trong hội "lùng sán" của người Hmông ở Bắc Hà, hoặc một số nghi thức trừ tà, trừ rui ro, dịch bệnh trong tết 23/6 của người Pa Dí ...v.v...

Thời gian mở hội không chỉ tập trung vào mùa xuân mà trải ra cả xuân, cuối hè, cuối thu. Đó là đặc điểm về thời gian mở hội cổ truyền ở Lào Cai.

3. Tính dân chủ, bình đẳng trong lễ hội

Xã hội các tộc người ở Lào Cai đã có sự phân hoá, có người giàu, kẻ nghèo, có tầng lớp bóc lột, chức dịch nhưng cũng có người đi làm thuê. Nhưng khi vào sinh hoạt lễ hội, mọi người đều dễ hoà đồng và bình đẳng. Các "hủi thầu" - "hội đầu" của một số lễ hội đều là những người có uy tín, không nhất thiết phải là chức dịch. Có nhiều nơi "hủi thầu" do chủ mỗi hộ gia đình luân phiên đảm nhiệm. Ai cũng có thể trở thành "hội đầu" không phân biệt sang hèn, không căn cứ là người dân hay chức dịch. Và mọi người đến dự hội đều bình đẳng, đều được nhập vai diễn xướng, thi tài với nhau. Ngay khâu ăn uống trong lễ hội cũng trở thành ăn uống mạng tính chất cộng cảm, bình đẳng. Mỗi nhà đều góp cơm rượu, luân phiên mỗi gia đình đều nuôi lợn cúng, trâu cúng... Do đó khi ăn đều ngồi quay quần theo lứa tuổi và giới tính không phân biệt theo địa vị, chức tước. Đặc biệt trong phần bàn bạc xây dựng qui ước của làng, mọi thành viên dự lễ

hội đều có quyền tự do bàn bạc, khi không có ý kiến khác nhau, "hội đầu" mới thông qua các điều khoản của qui ước.

Tính dân chủ, bình đẳng trong lễ hội còn thể hiện ở quan hệ giữa con người với thần linh. Dân làng có trách nhiệm thờ cúng, dâng lễ vật cho thần linh thì thần linh có trách nhiệm phù hộ cho dân làng. Các nghi thức cầu cúng của ông mo, của dân làng, hay người đại diện cho dân làng giao tiếp với thần linh cũng phản ánh tinh thần bình đẳng. Ở đây, rất ít thấy thái độ khúm núm, sợ sệt của người đại diện dân làng trong giao tiếp với thần linh. Nội dung các bài cúng cũng phản ánh tinh thần bình đẳng. Đặc biệt là các bài cúng của cư dân làm nương rẫy cúng thần linh cũng theo một công thức như giáo sư tiến sĩ Tô Ngọc Thanh phát hiện ở cư dân Tây Nguyên : kể tên các thần được mời, đã mang lễ vật cho các thần ... Các thần phải phù hộ dân làng ...(1). Nội dung một bài cúng trong lễ "Nào xông" của người Hmông ở Si Ma Cai-Bắc Hà-Lào Cai:

"Hôm nay tốt ngày

Hôm nay lành ngày

Ta đem hai gà, vàng hương về cho thần linh, thần phải bảo vệ cho tất cả bà con không ai ốm đau

Làm ruộng, làm nương

Được ăn, được mặc

Sang năm ta lại đem về cúng mình (thần)".

Ở Bắc Hà, khi cầu khẩn thần "Lùng sán" phù hộ không mưa đá nhưng năm đó vẫn bị mưa đá thì thầy cúng trong buổi lễ năm sau có quyền trách mắng thần. Hoặc ở hội cúng thần rừng của người Tu Dí (Bố Y), thầy cúng còn làm động tác đập vào gốc cây thờ thần 3 cái với quan niệm trách mắng thần.

4. Lưu giữ và phản ánh những tín ngưỡng cổ xưa

4.1. Tín ngưỡng phồn thực là một hiện tượng phổ biến ở nhiều lễ hội. Nhưng ở các lễ hội cổ truyền Lào Cai, tín ngưỡng phồn thực xuất hiện nhiều và khá phong phú về các dạng hình ở các hội đó là hội xuân hay hội tháng 6, hội thu. Tín ngưỡng phồn thực có mặt trong hội làng nhưng đồng thời cũng có mặt trong lễ hội dành riêng cho từng dòng họ (lễ "tù sú" của người Hmông) hay lễ hội mang tính chất tôn giáo như tết nhảy ("Giăng chắm đao" của người Dao đỏ Sa Pa), lễ cấp sắc của người Dao tuyến Bảo Yên. Đặc biệt với các lễ thức nông nghiệp, tín ngưỡng phồn thực trở thành trụ cột của lễ hội. Nó phản ánh các biểu tượng sinh thực khí để thờ cúng cũng như các trò diễn mô tả động tác tính giao đến cả hành động tính giao thực sự xảy ra ở hội chơi hang của người Thái, hội chơi núi của người Hmông...

Tục thờ sinh thực khí - một biểu tượng của năng lượng thiêng sinh ra muôn loài có mặt ở một số lễ hội xuân, hội xuống đồng.

Hiện nay khó tìm thấy các sinh thực khí dưới dạng nguyên sơ nhưng bóng dáng của nó, biểu tượng về nó vẫn tồn tại. Đó là hình tròn của phông còn trên ngọn cây nêu và quả còn trong hội xuống đồng dân tộc Tày, Giáy. Đó là hình tượng bánh dày (bánh chưng gói dài) và bánh dày trong mâm cúng hội của người Tày Bắc Hà. Đó là hình tượng ngọn măng (đương vật) với hoa chuối (âm vật) trong lễ cúng của người Tày Văn Bàn, v.v...

Liên quan đến tục thờ sinh thực khí là thờ cây hoa trong hội com mới của người Xá Phó ở Châu Quế - Văn Bàn. Cây hoa thường là cây chuối cắm thêm một số hoa

rừng, cắt giấy hình chim, cá. Cây hoa là biểu tượng của sinh sôi nảy nở, hình chim, cá, là biểu tượng của nam nữ... Tục thờ đá, thờ cây (chọn 2 gốc cây cổ thụ trong rừng cấm gọi là cây bố, cây mẹ) của các lễ hội cúng rừng người Tày, lễ hội cúng thân Nùng sản của người Tu Di (Bố Y) ở Mường Khương... cũng là một dạng thờ sinh thực khí.

Tín ngưỡng phồn thực không chỉ biểu hiện ở vật thờ, ở biểu trưng cây, vũ trụ... mà còn phản ánh đậm nét trong phân trò diễn, trò vui của hội. Cuối buổi hội xuống đồng của người Tày Bắc Hà có trò Ván Fản fê (gieo giống má). Khi các trò chơi đã vãn, ông chủ hội tung hàng nắm bông ngô, bông thóc ra xung quanh. Mọi người xô lán, chen đẩy nhau lấy vật áo hứng. Và họ tin rằng ai hứng được nhiều hạt bông năm đó sẽ được mùa, trẻ con khoẻ mạnh. Đặc biệt trong hội xuống đồng của người Tày Đăm Văn Bàn, Bảo Yên, Cam Đường và cả vùng ven sông Hồng, sông Chảy có trò múa kiếm, múa mộc. Có nơi dùng kiếm tre vót nhọn (hoặc gậy bằng nõn chuối), mộc bằng mo cau, mảnh gỗ bôi đen. Trong các động tác múa, đáng chú ý có động tác đâm kiếm vào mộc. Khi đâm, đỡ, tay cầm kiếm, mộc giơ thẳng nhưng thân người hơi uốn phía sau. Động tác múa này cũng gọi lại hình ảnh tính giao. Phải chăng trước kia đây là điệu múa mô phỏng tính giao, sau này biến thành múa kiếm. Hành động tính giao còn phản ánh rõ nét, cụ thể hơn ở các động tác múa mặt nạ trong lễ cấp sắc người Dao Tuyển. Lễ cấp sắc làm qui mô nhỏ thì có hai người đeo mặt nạ (một nam, một nữ) cầm các vật sinh thực khí để bằng gỗ múa một số động tác phản ánh hành động giao hợp. Lễ cấp sắc qui mô lớn thì màn trò diễn này thu hút đến năm bảy cặp múa khác nhau. Điều đáng chú ý mảng trò diễn này thường tổ chức ở phần cuối của lễ hội trong một không khí náo nhiệt, ồn ã khác hẳn các nghi thức trang nghiêm trước đó. Và hành động tính giao thực sự cũng diễn ra ngay trong một số lễ hội của người Hà Nhì (trò chẵn trâu), hội chơi hang của người Thái.

Tín ngưỡng phồn thực là tín ngưỡng cổ xưa, nó phản ánh nguyện vọng cầu mong "người yên vật thịnh", mùa màng tốt tươi của cư dân nông nghiệp. Vì với sản xuất nông nghiệp, nhu cầu sinh sản là nhu cầu hàng đầu. Tín ngưỡng phồn thực không phải là hiện tượng tha hoá, dâm dục. Nó là hiện tượng văn hoá cổ xưa ẩn tàng trong lễ hội.

4.2. Tín ngưỡng thờ nước, thờ mặt trời.

Nước là yếu tố quyết định đến được mùa hay mất mùa của cư dân nông nghiệp. Vì vậy, dấu vết cầu mưa, rước nước có mặt ở hầu khắp các lễ hội của cư dân nông nghiệp ruộng nước (Tày - Thái, Giáy, Lự...) hay cư dân làm nương rẫy như (Hmông, Kháng, La Ha, Phù Lá...). Trong lễ hội xuống đồng của người Tày ở Bắc Hà có tục rước nước. Một đoàn người gồm ông mo, trưởng bản, một số già làng, dàn nhạc hội (kèn pí lè, chiêng, trống) cũng nam nữ chưa chồng, vợ kéo đến mỏ nước phun "pó dặt" rước nước đựng trong quả bầu kho và một bát đẹp trang trọng đặt trên bàn thờ ông mo. Đặc biệt, sau khi kết thúc bài cúng mở hội, thầy mo một tay bưng bát nước có đồng bạc trắng, một tay cầm dao cắt ngang dọc trên bát nước theo 4 phương, 8 hướng, niệm thần chú, ngậm nước phun khắp 4 phía. Đó là hành động mô phỏng cầu mưa, cầu mùa màng không sợ hạn. Dấu tích thờ nước, cầu mưa còn thấy đậm nét ở hội té nước của người Lự ở Than Uyên. Nghi thức cầu mưa này cũng phản ánh trong nghi lễ giết trâu của hội "khô già già" người Hà Nhì đen. Sau khi bị chọc tiết, dòng tiết trâu tuôn xối xả như dòng suối, ông thầy cũng vẩy tiết trâu ra bốn hướng cũng với ý niệm cầu mưa. Điều đáng chú ý hầu hết hội xuân ở Lào Cai đều chọn ngày Thìn của tháng giêng mở hội.

Ngày Thìn - ngày con rồng - biểu tượng của mưa được mở hội, năm đó mưa thuận, không hạn hán.

Tín ngưỡng thờ mặt trời tuy không đậm nét như tín ngưỡng phồn thực nhưng nó cũng in dấu ấn trong lễ hội ở Lào Cai. Lễ hội xuống đồng ở làng Làn - Văn Bàn, bàn thờ chính sắp các mâm cúng quan trọng nhất (ông mo, các chức dịch...) lại làm ở hướng đông - hướng mặt trời mọc. Mâm cúng của gia đình nào cũng có 2 đĩa xôi chính (xôi đỏ tượng trưng cho mặt trời, xôi vàng tượng trưng cho mặt trăng). Cây còn trong ngày hội "roóng bọc" của người Giáy còn gọi là vòng mặt trời dán giấy đỏ. Trò chơi ném còn ở hội xuống đồng ở làng Làn cũng gọi nhớ phảng phất tín ngưỡng thờ mặt trời. Phông còn cũng dán màu đỏ, ném còn nghi lễ được ném từ Đông sang Tây - theo chiều chuyển động của mặt trời...

4.3. Lễ hội ở Lào Cai còn có tín ngưỡng sùng bái một số loài cây, con đặc biệt. Sự sùng bái các vật tự nhiên này có nhiều nguồn gốc. Ở đây có dấu tích (dù không đậm nét lắm) của tín ngưỡng tô tem. Đó là lễ cúng, khấn cầu bàn vương (cầu thần) của người Dao trong một số lễ hội người Dao. Đó là biểu tượng một số vật tổ trong các lễ hội "Tù sú" của từng dòng họ Hmông) thờ cúng tay gấu của họ Sùng, thờ biểu tượng cối giã gạo với chuyện về mẹ khỉ của họ Hờ...) ...v.v... Hoặc đó cũng là các món dâng cúng như món bánh dây có nùm vắt sữa trâu trắng của người Giáy ở Tả Van Sa Pa...

Sự sùng bái một số lời cây còn gắn liền với lịch sử sản xuất nông nghiệp. Trước khi tìm ra lúa nước, cư dân Tày - Thái thường hái chặt cây bóng làm lương thực nuôi sống con người. Hiện nay trong hội xuống đồng của người Tày Văn Bàn, Sa Pa còn tồn tại tục thờ cành và quả cây bóng. Trên dàn cúng thần, trên thân cột còn đều có treo chùm quả bóng và cành bóng với lời khấn cầu cây lúa tốt tươi như cây bóng, hạt lúa to như quả bóng. Hoặc trên mâm cúng lễ hội của người Kháng ở Than Uyên, bên cạnh cum thóc giống có cả những quả bí đỏ, củ khoai sọ. Vật cúng này phản ánh khoai sọ, bầu bí là cây lương thực chính của người Kháng (cũng như cư dân vùng Đông Nam Á) trước khi họ tìm ra lúa. Do đó, khoai sọ, bầu bí sẽ tiếp tính lực, toả "năng lực thiêng" cho lúa, lúa thêm tốt tươi, cây bông trĩu hạt.

Như vậy, các tín ngưỡng cổ xưa vẫn còn lưu giữ trong lễ hội ở Lào Cai. Song điều đặc biệt các tín ngưỡng này không chỉ tồn tại độc lập mà hoà quyện vào nhau tạo thành nhiều lớp trong tín ngưỡng lễ hội. Lễ hội ở Lào Cai cũng thực sự tích hợp nhiều lớp tín ngưỡng cổ xưa, khó bóc tách. Ở một số dân tộc như Dao, Giáy, Nùng, Tày... do ảnh hưởng của tam giáo, nên nhiều tín ngưỡng cổ cũng phải hoá thân, chuyển biến nên càng khó phân biệt được nguồn gốc tín ngưỡng. Lễ hội cổ truyền Lào Cai thực sự là bể thần tích tín ngưỡng - văn hoá cổ.

III. LỄ HỘI TRONG ĐỜI SỐNG TINH THẦN HIỆN NAY

1. Lễ hội đóng vai trò quan trọng trong đời sống người dân, trong sinh hoạt văn hoá cộng đồng. Nhưng suốt mấy chục năm qua, lễ hội ở Lào Cai có nhiều biến đổi. Đặc biệt từ sau cải cách dân chủ (1958 - 1959) đến năm 1986, nhiều lễ hội biến mất trong đời sống tinh thần. Trước Cách mạng tháng Tám, ở các bản người Tày thuộc huyện Bảo Thắng, thượng huyện Lục Yên, Võ Lao, Chiềng Ken, Khản Bàn, Châu Quế... huyện Văn Bàn đều có đình với qui mô lớn nhỏ khác nhau. Trong tháng giêng, tháng hai, các làng bản này đều mở hội đình. Đối tượng thờ cúng ở các đình làng này thường là các vị thần sống (long thần, thủy thần, thần thường luông), thần núi (sơn thần, quan sơn, thần hổ...).

Đôi khi các vị thần cũng là những người khai thiên lập địa, dựng bản dựng mường hoặc có công chống giặc ngoại xâm... Hội đình diễn ra ngay tại đình làng, sau phân nghi lễ là phân các chủ gia đình bàn bạc việc công của làng bản. Tiếp theo là các trò chơi, ca hát, thi làm bánh, nấu cơm...v.v... Chỉ tính riêng các làng thuộc địa bàn huyện Văn Bàn, Bảo Yên hiện nay có tới 17 hội đình khác nhau được mở từ 10 tháng Giêng đến 15 tháng 3. Nhưng trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và đặc biệt trong cải cách dân chủ, các ngôi đình đều bị phá. Hội đình không còn tổ chức, các ngày hội khác như hội "gầu tào" của người Hmông, hội "róong bọc" của người Giáy, hội xuống đồng của người Tày đều không được tổ chức. Hội chỉ còn trong ký ức của người già hoặc trong niềm khao khát của lớp trẻ.

Ở các làng bản vùng cao, một số lễ hội của người Xá Phó, lễ hội của người La Chí, người Kháng, La Ha... đều không được tổ chức. Nguyên nhân chủ yếu là do suốt một thời gian dài có nhận thức ấu trĩ, nhận thức không đúng về lễ hội và di sản văn hoá dân gian. Một số cấp chính quyền và ngành văn hoá thông tin chưa nghiên cứu đánh giá đúng vai trò quan trọng của lễ hội. Thậm chí còn nhầm lẫn giữa mê tín dị đoan và tín ngưỡng. Quan niệm cho rằng lễ hội cổ truyền là loại hình văn hoá lạc hậu, là "sản phẩm của xã hội phong kiến", tổ chức lễ hội rất tốn kém về thời gian và tiền của. Do đó, suốt một thời gian dài, hầu hết các lễ hội cổ truyền ở Lào Cai đều bị cấm tổ chức.

2. Từ năm 1986 đến nay, với nhận thức đúng về vai trò của lễ hội đối với đời sống tinh thần của nhân dân của các cấp chính quyền và ngành văn hoá thông tin Lào Cai nên lễ hội có xu hướng được khôi phục và biến đổi. Từ năm 1986 đến năm 1991 một số lễ hội cổ truyền như hội "gầu tào" ở Pha Long - Mường Khương, hội "róong bọc" của người Giáy Tả Van, hội xuống đồng của người Tày Bắc Hà... được tổ chức một cách lễ tẻ, có tính chất thể nghiệm dưới sự chỉ đạo của ngành văn hoá thông tin. Nhưng từ khi thành lập tỉnh Lào Cai đến nay (1991), các lễ hội cổ truyền liên tiếp được tổ chức theo định kỳ. Chỉ còn một số lễ hội do không có cơ sở vật chất, cơ sở xã hội nên không tổ chức như các hội đình ở vùng người Tày, hội "Xên mường" vùng người Thái Than Uyên...

3. Các lễ hội được khôi phục và tổ chức thường xuyên nhưng nhiều lễ hội có xu hướng chuyển hoá. Trước hết là một số lễ hội như hội "gầu tào" của người Hmông, hội "róong bọc" của người Giáy, hội xuống đồng của người Tày có xu hướng mở rộng qui mô và không gian hội.

Trước kia, qui mô của các hội "róong bọc", "xuống đồng" là qui mô hội làng. Nội dung nghi lễ cầu cúng thần linh phù hộ cho dân làng, người tham gia dự hội đều là dân làng. Nhưng hiện nay, các lễ hội này trở thành lễ hội của cả vùng. Đặc biệt, một số lễ hội như hội "róong bọc" của người Giáy không chỉ có dân tộc Giáy tham gia mà còn thu hút cả người Hmông, Dao, Xá Phó tham gia từ khâu chuẩn bị đến các sinh hoạt văn hoá vui chơi của lễ hội. Hội xuống đồng của người Tày nhưng có nhiều hộ gia đình người Kinh quê ở Thái Bình, Nam Hà lên khai hoang ở xen kẽ với người Tày cũng nhiệt tình tham gia hội (chuẩn bị mâm cúng theo phong tục người Kinh, các món dâng cúng của người Kinh...).

Một sự biến đổi khác là phân nghi lễ có xu hướng đơn giản hoá. Một số hội xuống đồng của dân tộc Tày không còn nghi thức rước nước, rước ông mo... Lễ "mở còn" (cúng cột còn) cũng không tồn tại ở các lễ hội xuống đồng. Đặc biệt, một số lễ hội

có xu hướng trở thành hội vùng thì thành phần lễ có phần giảm nhưng phần hội lại có xu hướng tăng. Các cuộc chơi, các buổi hát giao duyên, thu hút đông đảo người xem tham gia. Tuy nhiên, một số lễ hội khác chỉ khuôn chặt trong đời sống tinh thần của một làng, một dòng họ như lễ "lập tịch" của người Dao, lễ "nào xông" của người Hmông, lễ hội "Athá chim đơ" của người Xá Phó...v.v... phân nghi lễ vẫn tồn tại, trở thành điểm cốt lõi của lễ hội.

Hiện nay, các thiết chế xã hội truyền thống của đồng bào dân tộc Lào Cai như dòng họ, làng, bản vẫn đóng vai trò quan trọng trong quản lý nông thôn. Tinh cộng đồng làng vẫn được đề cao. Đồng thời, kinh tế nông nghiệp ở các làng, bản Lào Cai, dù có nơi đang trong quá trình chuyển dịch hoá cơ cấu kinh tế nhưng về cơ bản vẫn là kinh tế tiểu nông, tự cung tự cấp. Kinh tế nông nghiệp đã tạo ra chu kỳ lao động đầy vất vả, nhịp sống của người nông dân khá đơn điệu vì những công việc nương, rẫy lặp đi lặp lại. Môi trường sống lại khép kín, quanh năm người dân thường bị khuôn chặt vào hai địa bàn : làng, bản và nương rẫy. Do đó, đồng bào luôn khao khát có cuộc sống sôi động khác thường. Lễ hội là những hình thức sinh hoạt văn hoá đáp ứng được nhu cầu này, lễ hội còn góp phần giải phóng những xung cảm bị kìm hãm trong đời sống đơn điệu hàng ngày, đảm bảo sự cân bằng về mặt tâm lý, tạo khả năng tái sáng tạo của con người. Hiện nay, văn hoá công nghiệp (mà mũi nhọn là hệ thống truyền thông) đang tác động mạnh đến đời sống tinh thần người dân vùng Lào Cai, nhưng lễ hội vẫn là nhu cầu bức xúc và thiết thân.

HỘI GẤU - TÀO CỬA.....(tiếp trang 53)

thầy tránh ra, cả tốp cùng nhảy lui, rồi nhảy tiến theo 4 hướng, tiến lùi mãi đến lúc mệt, đối với nam, lần lượt quỳ lạy trước bàn thờ, lạy 3 lạy theo 3 hướng, đối với nữ thì chạy ra ngoài hoặc ra phía bếp lò. Thông thường lúc đang nhảy, có thể vỗ bắt một người cùng nhảy cho vui. Cá biệt có người khi đánh chiêng, không run lên được, cứ đứng trơ ra. Thầy mo sẽ phải ra tay bằng cách đệm quẻ bói dưới chân, đốt một thẻ giấy, lấy tro hoà nước, phun vào người, khi làm những động tác ấy, đều phải khấn theo bài cúng đến phương sách ấy, buộc người đó phải nhảy, và đôi khi không thể dừng được, thầy phải khấn mới dừng. Đó là những người hay thích thách đồ thầy.

Nhảy đồng mang đặc tính sa man giáo dưỡng như vô nghĩa, song thực chất là cầu mong sức khoẻ, sinh sản, cầu mong mùa màng tốt tươi, cầu mong đất trời thuận hoà, cầu mong thần linh ma quái không gây ra những điều oan trặc.

Hết thời hạn hội, gia chủ làm lễ kết thúc, cây nêu được hạ xuống. Thầy mo đốt thẻ giấy, hốt than cho vào gáo nước, vừa đi vừa cầu khấn. Sau mỗi đoạn khấn vãi thày lại hấp một ngụm nước phun ra xung quanh. Gia chủ cầm bầu rượu hạ từ trên cây nêu đi theo sau thầy mo, cũng hẩy rượu ra khắp nơi. Mảnh vải đỏ thì mang về treo trong nhà cầu mong hồng phúc đời đời. Trường hợp hội cầu phúc, ông chủ hội chọn một đôi trai gái, một đôi nam nữ đứng tuổi đông con và họ hàng rước nêu về gia chủ, gác ở đằng sau nhà hoặc làm giát giường mong sớm có con. Trường hợp mở hội cầu mệnh thì rước cây nêu đến gác ở chỗ vách đá khô ráo.